

Bản án số:11/2022/HS-ST

Ngày 31 -3-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thân

Bà Lương Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở UBND phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:13/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Sìn Văn Đ, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1997 tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHTT: Bản Pa Tàn 2, xã Pa Tàn, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sìn Văn Lâm và bà Lò Thị Sánh, Có vợ: Tẩn A Linh; Con: có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

Ngày 19/9/2021, Công an xã Vạn Phái, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

Tại Bản án số 36 ngày 26/5/2016, Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản. Đến nay đã được xóa án tích.

Tại Bản án số 27 ngày 05/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xử phạt 16 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đến nay đã được xóa án tích.

Ngày 23/12/2021 Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Văn D**; Sinh ngày 30 tháng 4 năm 1989 tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKTT: Thôn Giếng Đỡ, xã Mỹ Bằng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Sán Chỉ; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Vượng và bà Hầu Thị Liên; Vợ: Phạm Thị Lệ (Đã ly hôn); Con: Chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

Ngày 17/9/2021 Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản.

*Nhân thân:

Ngày 22/11/2021, Công an phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử lý vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo D*: Bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm: 1972 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

- *Người bị hại*:

Chị Phạm Thị Tâm – Sinh năm 1975; Trú tại: Tổ dân phố Ngo Quán, , phường Cải Đan, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)

Anh Vũ Văn Chính- Sinh năm 1971; Trú tại: TDP 1, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Anh Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1984; Trú tại: Xóm Ngoài Tranh, xã

Túc Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 08 tháng 11 năm 2021 do không có tiền tiêu sai cá nhân và sử dụng ma túy nên Sìn Văn Đ và Trần Văn D bàn bạc rủ nhau đi tìm tài sản để sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Đ và D sử dụng xe mô tô nhãn hiệu SYM Star, biển số 20H6 – 5116 đi từ ngã tư Phổ Yên dọc theo đường quốc lộ 3 hướng Hà Nội- Thái Nguyên, khi đi đến khu vực trước cửa nhà anh Vũ Văn Chính sinh năm 1971, ở TDP 1, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, thấy có 01 chiếc thùng xe ngựa kéo, thùng xe có kích thước (80 x 160 x 40)cm được làm bằng sắt của ông Chính đang để tại trước cửa nhà. Thấy không có người trông coi quản lý, D dừng xe mô tô vào lề đường và nói với Đ “*Mày xuống xem có ai không thì kéo cái xe*”, Đ tiến lại vị trí chiếc thùng xe ngựa và kéo chiếc thùng xe đến vị trí xe mô tô D đang đỗ, rồi cả hai điều khiển xe kéo chiếc thùng xe ngựa ở phía sau đi tìm nơi tiêu thụ tài sản. Khi đi đến khu vực tổ dân phố Ngo Quán, phường Cải Đan, thành phố Sông Công thì xe mô tô bị hỏng nên D dắt xe đi tìm cửa hàng sửa xe. Lúc này, Đ nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH, màu trắng đen biển số 20H3 – 9937 (là xe mô tô của gia đình chị Phạm Thị Tâm sinh năm 1975, trú tại tổ dân phố Ngo Quán, phường Cải Đan, thành phố Sông Công), đang để ở trước cửa nhà trên hành lang đường Quốc lộ 3, chìa khóa điện vẫn để ở ổ khóa, nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp. Đ nói với D “*Kìa có cái xe cấm chìa khóa kìa*”, D hiểu ý là sẽ trộm cắp chiếc xe mô tô và nói “*Biết rồi*”, sau đó D dắt chiếc xe mô tô đi sửa, còn Đ kéo thùng xe ngựa đi tìm nơi cất giấu, rồi Đ quay lại vị trí chiếc xe mô tô của gia đình chị Tâm, quan sát thấy không có ai, Đ nhanh chóng ngồi lên xe, mở khóa điện, nổ máy, rồi điều khiển xe mô tô đi đến chỗ D sửa xe và chờ D đi về đến cửa hàng mua bán phế liệu của chị Bùi Thị Vui sinh năm 1974, ở xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, rồi gửi chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được tại cửa hàng của chị Vui, sau đó Đ và D mượn 01 chiếc xe mô tô của chị Vui để quay lại tiếp tục lấy thùng xe ngựa. Khi Đ và D đang lấy thùng xe ngựa thì chị Tâm phát hiện, thấy vậy Đ và D điều khiển xe bỏ đi và quay về cửa hàng của chị Vui, trả xe và lấy xe mô tô trộm cắp được bỏ đi. Ngày 10 tháng 11 năm 2021, D bán chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Văn Hùng (sinh năm: 1984, trú tại: xóm Cầu Ngạch, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên) với giá 770.000đ và đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, anh Nguyễn Văn Hùng đã giao nộp 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH, có gắn biển số 20M1-7945 (biển số xe do bị can D nhặt được, D đã tháo biển số chính của xe, rồi lắp chiếc biển số 20M1 – 7945 vào xe mô tô để không bị phát hiện). (Bút lục: 92, 98)

Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công tiến hành trưng cầu định giá tài sản đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH, biển số 20H3 – 9937 và 01 thùng xe ngựa. Tại kết luận định giá tài sản số 114 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Hội Đ định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Sông Công, kết luận: 01 chiếc xe mô tô DETECH màu nâu đã qua sử dụng, biển số 20H3 – 9937 có giá trị là 1.100.000đ; 01 chiếc thùng xe ngựa kéo có giá trị là 2.400.000đ

Quá trình điều tra, bị cáo Sìn Văn Đ và Trần Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH và 01 chiếc thùng xe ngựa, Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công đã trả lại cho chị Phạm Thị Tâm và anh Vũ Văn Chính là chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Đối với 01 Biển kiểm soát 20M1-7945 được chuyển bảo quản theo quy trình quản lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Anh Vũ Văn Chính và chị Phạm Thị Tâm đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào. Anh Nguyễn Văn Hùng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền 770.000đ.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSSC ngày 18/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công đã truy tố bị cáo Sìn Văn Đ và Trần Văn D về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Đ và D về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội Đ xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đ, D phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 24 đến 30 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D từ 18 đến 24 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho cả hai bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Anh Vũ Văn Chính và chị Phạm Thị Tâm đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát xe mô tô 20M1- 7945

Buộc bị cáo D phải bồi thường cho anh Hùng số tiền 770.000 Đ.

Về án phí đề nghị miễn án phí hình sự cho bị cáo Đ.

Đề nghị buộc bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo bào chữa, nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị miễn án phí hình sự đối với bị cáo Đ; xem xét đến điều kiện hoàn cảnh: bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất có thể là 18-24 tháng tù. Đề nghị miễn án phí hình sự và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đ.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo Đ.

Các bị cáo Đ và D không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo đều nói lời sau cùng là đã nhận biết, hối lỗi về lỗi lầm của mình, xin Hội Đ xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo đều đề nghị Hội Đ xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên. Xét thấy, trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của bị hại, người làm chứng nên sự vắng mặt họ không gây trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy, Hội Đ xét căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hội Đ xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng hơn 13 giờ ngày 08/11/2021, Sìn Văn Đ và Trần Văn D đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc thùng xe ngựa có giá trị là **2.400.000đ** (*Hai triệu bốn trăm nghìn Đ*) của gia đình anh Vũ Văn Chính, ở tổ dân phố 1, phường Phố Cò, thành phố Sông Công và trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH, biển số 20H3-9937 có giá trị **1.100.000đ** (*Một triệu một trăm nghìn Đ*) của gia đình chị Phạm Thị Tâm, ở tổ dân phố Ngô Quán, phường Cải Đan, thành phố Sông Công thì bị phát hiện, thu giữ vật chứng giao nộp cho Cơ quan Công an để giải quyết. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp ngày 08/11/2021 là 3.500.000 Đ.

Hành vi, ý thức của các bị cáo Sìn Văn Đ và Trần Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 3.500.000 Đ, do vậy các bị cáo phải chịu khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 11/CT-VKSSC ngày 18/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nội dung điều luật quy định:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 Đ đến dưới 50.000.000 Đ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm....”

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 Đ đến 50.000.000Đ.

[3] Xét tính chất vụ án và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa ra xét xử đối với bị cáo là cần thiết để răn đe và phòng ngừa chung.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội do bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

Liên quan trong vụ án có chị Bùi Thị Vui cho các bị cáo mượn 02 chiếc xe mô tô và cho các bị cáo gửi 01 chiếc xe mô tô BKS 20H3-9937 (là xe mô tô các bị cáo trộm cắp), anh Nguyễn Văn Hùng có mua của bị cáo D 01 chiếc xe

mô tô là tài sản các bị cáo trộm cắp. Nhưng chị Vui và anh Hùng không biết đó là tài sản trộm cắp và chị Vui không biết các bị cáo sử dụng xe mô tô của mình để đi trộm cắp nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị Vui và anh Hùng.

[3] Đánh giá về tính chất hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

3.1. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

3.2. Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án Đ phạm giản đơn, không có người cầm đầu, tổ chức. Cả hai bị cáo Đ và D đều là người thực hành, cả hai bị cáo đều tham gia tích cực.

3.3. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo đều sinh ra, lớn lên tại địa phương, có sức khỏe, có đủ khả năng nhận thức, do bản thân lười lao động, không làm chủ được hành vi của mình, nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Cả hai bị cáo đã nhiều lần vi phạm pháp luật, trước khi phạm tội các bị cáo đều đang có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, ngoài ra bị cáo Đ từng bị Tòa án xét xử về tội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hội Đ xét xử nhận định các bị cáo là người có nhân thân rất xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này cả 2 bị cáo là người đang có tiền sự về tội trộm cắp tài sản, các bị cáo 02 lần phạm tội mà mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên bị cáo phải chịu thêm 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Khi lượng hình Hội Đ xét xử thấy: Căn cứ vào tính chất của vụ án, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, Hội Đ xét xử thấy: Tính chất hành vi phạm tội các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên các bị cáo đều đã từng bị xử phạt hành chính, hiện tại vẫn được xác định là tiền sự, bị cáo Đ đã từng bị xét xử và đi chấp hành bản án đối với hai bản án. Các bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn dấn thân vào các tệ nạn xã hội, nghiện ma tuơ, lười lao động, dễ rồi tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật, cả hai bị cáo có ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự,

nên cần phải xét xử các bị cáo bằng án phạt tù, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Hội Đ xét xử sẽ xem xét, cân nhắc đến vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, để xét xử mức án phạt tù phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đ, bị cáo D

Trong vụ án này, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi được và trả lại cho người bị hại nên không xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Chính và chị Tâm đã nhận lại tài sản không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Anh Nguyễn Văn Hùng đề nghị bị cáo D trả lại số tiền mua xe 770.000 đ. Tại phiên tòa bị cáo D Đ ý bồi thường cho anh Hùng, yêu cầu của anh Hùng là chính đáng nên Hội Đ xét xử chấp nhận.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 Biển kiểm soát 20M1-7945, đây là dụng cụ để bị cáo D dùng để che dấu chiếc xe trộm cắp, do đó cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên bị cáo Đ là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự

Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Các Điều 136, 299, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí, Lệ phí; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Sìn Văn Đ và Trần Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

1.1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Sìn Văn Đ 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2021

1.2. Áp dụng: Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn D 18 (*Mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2021.

* Về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Sìn Văn Đ và Trần Văn D 45 (*bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.

* Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Sìn Văn Đ và Trần Văn D.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 Biên kiểm soát 20M1-7945 .

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/3/2022 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công*).

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn D phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Hùng số tiền 770.000 Đ .

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật anh Nguyễn Văn Hùng có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bị cáo D chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự cho bị cáo Sìn Văn Đ

Buộc bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 Đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 Đ án phí dân sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo Sìn Văn Đ và Trần Văn D, vắng mặt người bị hại là anh Chính và chị Tâm, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hùng.

Báo cho các bị cáo Đ và D biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Vũ Văn Chính, chị Phạm Thị Tâm, anh Nguyễn Văn Hùng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- VKSND SC; Công an SC;
- VKSND tỉnh TN;
- THA Hình sự, dân sự;
- Bị cáo, Bị hại; NLQ
- UBND xã, phường.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bình